TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24- 7- 2020
"V/v tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rẽn;

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Đình Quế Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thảo Nguyên, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXX - ST ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị A, sinh năm: 1973. Nơi cư trú: Ấp LH, xã Long Chữ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: Ấp LH, xã Long Chữ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- bà Cao Thị A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự quen biết rồi tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1988 cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, ông T thường hay uống rượu say về chưởi bới, đe dọa vợ con, không phụ giúp

bà chăm lo cuộc sống gia đình. Bà đã cố gắng khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T không sửa đổi. Bà và ông T không thể giải quyết mâu thuẫn được, không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; Nguyễn Văn H, sinh năm: 1992; Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm: 1994 hiện đã thành niên và tự lao động được nên bà không yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai, các biên bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn- ông Nguyễn Văn T trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Về cơ sở hôn nhân, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng như bà A trình bày là đúng. Ông có lỗi vì nhiều lần uống say gây gổ, chưởi bới bà A. Ông hứa sẽ sửa đổi nếu bà A cho ông thêm cơ hội hàn gắn đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn với bà A.

- Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; Nguyễn Văn H, sinh năm: 1992; Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm: 1994 hiện đã thành niên và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Nguyên đơn và bị đơn chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Viện kiểm sát không phát hiện vi phạm về tố tụng của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên bố không công nhận bà Cao Thị A và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng. Về con chung: Cả 03 người con chung đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được, bà A và ông T không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: bà A phải chịu theo quy định, ông T không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà A khởi kiện yêu cầu giải quyết yêu cầu ly hôn với ông T, ông T có nơi cư trú tại Ấp LH, xã Long Chữ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên TAND huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Cao Thị A và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng trong suốt thời gian chung sống từ năm 1988 cho đến nay bà A và ông T không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do vậy, khi bà A có yêu cầu ly hôn thì Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa ông bà mà căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy cần tuyên bố không công nhận bà Cao Thị A và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà A và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; Nguyễn Văn H, sinh năm: 1992; Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm: 1994 đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

- Bà A và ông T không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh thông tin nợ chung giữa ông T, bà A với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Bến Cầu. Tuy nhiên, ngân hàng không có yêu cầu khởi kiện giải quyết về hợp đồng tín dụng với ông T, bà A do ông bà không vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Khi có tranh chấp thì Ngân hàng sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Do đó Tòa án không giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Bà Cao Thị A phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị (nêu trên) phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Cao Thị A và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận bà Cao Thị A và ông Nguyễn Văn T có có 03 con chung tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; Nguyễn Văn H, sinh năm: 1992; Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm: 1994 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Cao Thị A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân gia đình, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0014215 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Án phí bà Cao Thị A đã nộp xong. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- UBND xã Long Chữ;
- Đương sự;
- Lưu bộ phận HNGĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Chu Y